**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ CÀ MAU**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 5 – 2018
*Về việc xin ly hôn*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Kim Nguyện.

2. Ông Nguyễn Việt Bằng.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau:*** Bà Huỳnh Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Huỳnh N, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn:* Anh Dương Văn Â, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/02/2018 và tại phiên tòa, chị Trần Huỳnh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn Â chung sống vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Â không lo cho gia đình, vợ chồng sống không hạnh phúc, nay chị xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Â.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh Â có 01 người con chung tên Dương Trường T, sinh ngày 03/11/2012, hiện cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng.

Đối với anh Dương Văn Â, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án thông qua mẹ ruột, anh ruột nhận thay và cam kết giao lại nhưng anh Â vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị N được ly hôn anh Â. Giao con chung tên Dương Trường T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn Â đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 13/3/2018, ngày 26/3/2018, ngày 23/4/2018, ngày 15/5/2018 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Â theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Huỳnh N và anh Dương Văn Â xác lập quan hệ vợ chồng và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/02/2012 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị N trình bày vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, nay chị xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Â. Đối với anh Â mặc dù không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về việc chị N xin ly hôn nhưng tại biên bản xác minh ngày 06/4/2018 thể hiện bà Lâm Thị Q (mẹ ruột anh Â) có thông báo cho anh Â biết việc chị N xin ly hôn và anh Â đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N. Xét thấy hiện chị N, anh Â mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai như vậy mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, tại tòa chị N xác định tình cảm đối với anh Â không còn. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, nếu có hàn gắng anh chị vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nên chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị được ly hôn anh Â.

[3] Về con chung: Chị N xác định chị và anh Â có 01 người con chung tên Dương Trường T, sinh ngày 03/11/2012, hiện cháu T đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Â không nêu ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị N khai vợ, chồng chị không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Huỳnh N về việc xin ly hôn anh Dương Văn Â.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trường T, sinh ngày 03/11/2012 cho chị Trần Huỳnh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Â được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 02 năm 2018, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000370 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Chị Trần Huỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn Â có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời, T. Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**Lê Thị Thu**